TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT
Ngày 21/12/2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Liêm.

Các Thẩm phán: Ông Cà Văn Pâng

Bà Phạm Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018, V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐ-PT, ngày 24/01/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Thào Sái C - Sinh năm: 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2- Bị đơn: Ông Ly Giống S, tên giọi khác Ly A C1. Sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị S1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Tổ dân phố A1, phường G, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên bị đơn:

- Bà Thào Thị S2 - Sinh năm: 1983. Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

- Ông Ly Bìa S3 - Sinh năm: 1953. Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Thào Thị S2 và ông Ly Bìa S3: Ông Ly Giống S (Ly A C1). Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

3. Người làm chứng.

3.1. Người làm chứng bên nguyên đơn:

- Ông Thào Cống D - Sinh năm 1960; Địa chỉ: Bản Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- Ông Ly Tồng L - Sinh năm 1958; Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- Ông Sùng Chừ C2 - Sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

3.2. Người làm chứng bên bị đơn:

- Ông Giàng Trùng C3 - Sinh năm 1960; Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

- Ông Thào Chủ S4 - Sinh năm 1963; Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

4 - Người phiên dịch do tòa án yêu cầu: Bà Giàng Thị N - Sinh năm: 1987. Trú tại tổ dân phố A, phường L, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Thào Sái C trình bày:

Năm 1992 gia đình ông Thào Sái C có khai hoang một thửa đất ở khu vực K làm lúa nương, đến năm 1993 thì làm thành một thửa ruộng đã canh tác được ba vụ, làm đến vụ thứ tư năm 1996 thì khu đất đó bị sạt lở có nhiều đất đá vùi lấp không thể tiếp tục làm được, nhưng gia đình vẫn đi phát, dọn cỏ và đến năm 2008 ông C đã đào một kênh mương dẫn nước vào để sau này khai hoang ruộng, nhưng đến ngày 13/5/2017 gia đình ông Ly Giống S đã đến phát đám nương đó dẫn đến tranh chấp. Diện tích đất đang có tranh chấp khoảng 400m^2 (nhưng theo

diện tích thực tế đo theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng thẩm định ngày 05/4/2018 là 806,9m^2). Năm 1999 được cán bộ xã và trưởng bản thông báo cho các hộ gia đình ai có đất có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải làm đơn kê khai đăng ký. Đám đất ở khu K do ông quên không đăng ký nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ly Giống S trả lại cho gia đình ông thửa đất đang tranh chấp là 806,9m^2 theo diện tích đo thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng thẩm định ngày 05/04/2018.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2018, biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Ly Giống S (Ly A C1) trình bày:

Gia đình ông Ly Giống S có một đám nương do bố ông S là ông Ly Bìa S5 khai hoang từ năm 1980 để làm lúa và nương. Trong đám nương đó có 01 hủm tự nhiên dạng như hố bom, ông S5 đã khai hoang ruộng và gieo lúa nương xung quanh, chỉ còn một ít dưới đáy hủm. Diện tích đất này ông S5 xác định sau này sẽ để lại cho Ly Giống S (Ly A C1) con trai ông. Năm 1999 ông S5 đã làm đơn kê khai và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ly A C1 (Ly Giống S). Đến năm 2010, ông S tách ra ở riêng và được ông S5 giao hẳn đám nương đó cho ông S được quyền sử dụng và sản xuất. Đến năm 2017, gia đình ông S phát nốt phần đất còn lại dưới đáy hủm, được hai hôm sau thì ông C cũng ra phát và bảo là đất của nhà mình, ông S không cho phát nhưng hai vợ chồng ông C không nghe, vẫn cố tình phát và bảo đất đó là của gia đình ông C làm từ xưa và cố tình tranh chấp, trong khi đó ông C không có một mảnh đất nào giáp ở đó, khu vực đang tranh chấp chỉ toàn là nương, ruộng của ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S quản lý và sử dụng đất khu đó tổng diện tích là 800m^2 nằm từ thửa số 05 đến thửa số 10. Ông C khởi kiện yêu cầu ông S trả lại diện tích đang tranh chấp trên, ông S không nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân huyện M xem xét, giải quyết để gia đình ông C không được tranh chấp với gia đình ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thào Thị S2 trình bày:

Bà Súa thống nhất theo ý kiến trình bày của chồng bà (ông Ly Giống S) và không có ý kiến gì bổ sung thêm. Bà S2 uỷ quyền toàn bộ cho ông S tham gia giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ly Bìa S5 trình bày:

Ông S5 là bố đẻ của ông S (Của), còn ông Thào Sái C chỉ là người cùng bản. Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Thào Sái C và ông Ly Giống S (Ly A C1) là do ông S5 phát khai hoang trồng lúa từ năm 1980 đến năm 1983 thì bỏ đến năm 1986 thì tiếp tục trồng lúa, đến năm 1999 làm đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ly A C1 (Ly Giống S) đến năm 2010 thì bàn giao hẳn cho Ly Giống S quản lý sử dụng. Ông S5 cho rằng, diện tích đất trên ngoài gia đình ông thì không ai làm ruộng nương ở đó và cũng không thấy ông C làm nương ở đó bao giờ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018 của người làm chứng là ông Ly Tồng L trình bày:

Ông L là thông gia của ông C và là chú ruột của ông S, ông L cho rằng đất đang tranh chấp giữa ông C và ông S là của ông C phát và gieo lúa từ năm 1994, trước đây không ai làm nương ở đó vì khu vực này chỉ là rừng, năm 1995-1996 ông C làm ruộng nhưng do mưa to lũ lụt ngập trôi hết cây lúa, sau đó ông C không trồng gì nữa, thỉnh thoảng chỉ đến phát nhưng không trồng gì cho đến năm 2017 thì xảy ra tranh chấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018 của người làm chứng là ông Sùng Chừ C2 và ông Thào Cống D, trình bày:

Ông C2 và ông D đều là người không có quan hệ họ hàng gì với ông C và ông S, ông C2, ông D cho biết ông C phát và gieo lúa vào diện tích đất đang tranh chấp từ năm 1993. Năm 1994, 1995 làm ruộng; năm 1996 do mưa to lũ lụt ngập trôi hết cây lúa, sau đó ông C gieo lúa nương, đến năm 2010 thì không gieo lúa nữa nhưng thỉnh thoảng vẫn đi phát cỏ và mùa mưa thì xả nước xuống hồ đất đó. Hai ông C2, D cho rằng có nhiều người trong bản đều biết việc này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2018 của người làm chứng là ông Giàng Trùng C và ông Thào Chủ S4 trình bày:

Ông Giàng Trùng C là trưởng bản T, còn ông Thào Chủ S4 là anh trai ruột của ông Thào Sái C và ở cùng bản với ông Ly Giống S. Ông Giàng Trùng C và ông S4 cùng sinh ra và lớn lên tại bản T từ năm 1960. Ông Giàng Trùng C và ông S4 không có đất ruộng nương ở gần khu vực đất đang tranh chấp nên ít khi đi vào khu đất này, tuy nhiên hai ông C, S4 có biết khu vực đó có nhiều cây chuối và cây nứa ở trong đó và cho rằng ông S5 (bố của ông S) là người phát và làm ruộng, nương, nhưng phát từ năm nào thì họ không nhớ; ông S4 không thấy ông Thào Sái C phát nương khu đấy bao giờ. Năm 1999 toàn huyện đã tuyên truyền về bản và các hộ gia đình về việc đi kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, ông S5 đã đi kê khai đăng ký và đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh S con trai ông, còn ông C không đi kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại công văn số 57/VPĐK- QSDĐ ngày 25/7/2018 về việc cung cấp thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và môi trường - UBND huyện M, tỉnh Điện Biên có nội dung như sau:

Văn phòng đăng ký quyền sử đụng đất thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tư liệu địa chính, gồm: Số địa chính, đơn kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất và sổ cấp Giấy chứng nhận thì Ông Ly A C1 (S) được cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số H00057/QSDĐ/35/QĐ-UB-H do UBND huyện Y, tỉnh Lai Châu (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp ngày 21/10/1999 mang tên Ly A C1.

Hồ sơ có đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: gồm 13 thửa đất theo số thứ tự từ thửa số 01 đến thửa số 13. Tổng diện tích là 13.800m^2; trong đó: ở khu K ông Ly A C1 (Ly Giống S) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 01 đến thửa số 10 có tổng diện tích là 800m^2. Diện tích đất đang tranh chấp nằm trong các thửa thứ tự từ số 5 đến thửa số 10....”

Tại biên bản thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2018:

- Đối với diện tích đất tranh chấp đo theo ý kiến của ông Ly Giống S (Ký hiệu NHK01) có tứ cận Đông - Tây - Nam - Bắc đều tiếp giáp với đất của ông Ly Giống S (Ly A C1). Lô đất có diện tích 443,9m^2.

Đối với diện tích đất tranh chấp đo theo ý kiến của ông Thào Sái C (Ký hiệu NHK02) có tứ cận Đông - Tây - Nam - Bắc đều tiếp giáp với đất của ông Ly Giống S (Ly A C1). Lô đất có tổng diện tích 806,9m^2.

Đối với tổng diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ly Giống S (Ly A C1) (Ký hiệu NHK03) phía Bắc giáp với đất nương của ông Ly Giống S (Ly A C1). Lô đất có tổng diện tích 5822,7m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị S1 trình bày: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án; hỏi và tranh tụng tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 202, 203 Luật Đất đai năm

2013. Đề nghị HĐXX quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Thào Sái C, bị đơn ông Ly Giống S có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời giải quyết các vấn đề chi phí tố tụng trong vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên kết luận:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 35, 39, 48, 70, 71, 72 , 85, 86, 97, 98, 99, 196, 208, 209, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Thào Sái C đối với việc yêu cầu ông Ly Giống S (Ly A C1) trả lại cho ông Thào Sái C 806,9 m^2 diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2018.

Vì các lẽ trên, bản án sơ thẩm số: 03/2018/DSST, ngày 24/10/2018 Tòa án nhân dân huyện M quyết định:

1. Áp dụng: Điều 158 (Quyền sở hữu tài sản), Điều 163 (Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản), Điều 189 (Quyền sử dụng tài sản) Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Căn cứ xác định quyền sử dụng đất); khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 (Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai) Luật Đất Đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Thào Sái C đối với yêu cầu buộc ông Ly A C1 (S) trả lại cho ông Thào Sái C 806,9m^2 diện tích đất tranh chấp, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và tờ trích đo địa chính, ngày 05/4/2018 tại địa chỉ: Khu K, bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thào Sái C. Hoàn trả lại cho ông Thào Sái C số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số: AB/2010/00297 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên,

4. Về chi phí thẩm định: Tổng toàn bộ các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2018 là 2.263.000 đồng, nhưng ông S tự nguyện chịu 263.000 đồng (hai trăm sáu mươi

ba ngàn đồng chẵn) và được khấu trừ số tiền tạm ứng ông đã nộp ngày 14/02/2018 là 2.000.000 đồng (2.000.000 đồng - 263.000 đồng = 1.737.000 đồng). Hoàn trả lại cho ông S số tiền tạm ứng đã nộp còn lại là 1.737.000 đồng (Một triệu bẩy trăm ba mươi bảy ngàn đồng chẵn).

Buộc ông C phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn). Nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng số tiền ông C đã nộp ngày 19/01/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2018 nguyên đơn Thào Sái C kháng cáo bản án sơ thẩm số: 03/2018/DSST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Ly A C1 (S) trả cho ông 806,9m^2 đất tranh chấp tại khu K tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên.Tại phiên tòa các đương sự có ý kiến :

- Các đương sự đang trú tại bản T, xã H là tên đơn vị hành chính của bản hiện nay. Khu đất đang tranh chấp cũng thuộc địa giới hành chính của bản T, xã H. Năm 1999 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ly A C1 xác định khu đất cấp cho ông C1 tại bản C có thể viết không chính xác tên đơn vị hành chính của bản. Bản T, xã H và Bản C, xã H là một đơn vị hành chính.

- Nguyên đơn Thào Sái C vẫn giữ nguyên quan điểm của ông như cấp sơ thẩm và trình bày diện tích đất đang tranh chấp là một hủm tự nhiên một bên có vách đá đứng, phần đáy hủm có nhiều đá do sạt lở sườn đồi kế tiếp hủm, sườn đồi có độ dốc lớn nên chỉ canh tác được một vụ rồi bỏ hoang do đất bị sói mòn và bạc màu. Trên diện tích đất có một số cây gỗ ở sườn đồi thành hủm. Hàng năm ông vẫn phát cây, cỏ ở gốc các cây gỗ to để giữ các cây to. Năm 2008 ông khởi nước từ khe suối vào và đón nước mưa tự nhiên trên đồi chảy vào để lấp hủm đó khi nào hủm bị đất đồi tự nhiên có thể canh tác được thì sẽ làm. Năm 2017 ông biết Ly Giống S có gieo mạ ở một phần đất giáp đáy hủm, nhưng ông nghĩ S chỉ làm theo vụ gieo mạ vào đất trống rồi nhổ cấy không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của ông nên ông không có ý kiến gì. Ông cũng thừa nhận xung quanh diện tích đất tranh chấp là đất ruộng và nương của ông Ly Giống S đang quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Phần đất có tranh chấp từ trước đến năm 2017 ông S không phát để sử dụng, đến năm 2017 ông S mới phát nên mới phát sinh tranh chấp.

Ông đã mất công sức khai hoang và canh tác từ năm 1992 đến năm 1996. Năm 2008 làm mương dẫn nước vào nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giao 806,9m^2 tranh chấp cho ông được quản lý, sử dụng.

- Bị đơn Ly Giống S trình bày: Trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 ông còn nhỏ, chỉ biết tham gia làm ruộng và nương rẫy cùng bố mẹ là ông Ly Bìa S5. Các thửa đất ruộng và nương rẫy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là do bố ông là ông Ly Bìa S5 khai hoang từ những năm 1980 đến năm 1999 thì đăng ký sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ly A C1. Đến năm 2010 ông Ly Bìa S5 mới giao cho ông trực tiếp quản lý sử dụng. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 10 thửa đất trồng lúa và 03 thửa nương rẫy. Tại khu vực K có một mảnh thửa số 11 là đất nương rẫy và 10 thửa ruộng. Xung quanh hủm đất đang tranh chấp gia đình ông đang canh tác. Trồng lúa nước một vụ ở phần đất ruộng còn đất nương rẫy thì trồng lúa nương, khi đất nương bạc màu thì để hoang. Trong 806,9m^2 đất tranh chấp thì có phần đất diện tích 443,9m^2 là hủm tự nhiên một bên có vách đá dựng đứng dưới đáy hủm có nhiều đá to do đồi sạt trôi xuống nên không canh tác được, các bên còn lại đất có độ dốc cao có vài cây to cổ thụ nên không trồng lúa được thường xuyên, hàng năm ông chỉ phát một khoảnh ở gần tiếp giáp đáy hủm để gieo mạ. Sau khi đã nhổ hết mạ thì bỏ hoang. Ngoài diện tích 443,9 m^2 thì ông đã làm ruộng và làm nương rẫy. Toàn bộ diện tích đất 806 m^2 đất nằm trong khu đất ruộng và nương rẫy của ông. Ông không chấp nhận trả diện tích đất trên cho ông Thào Sái C như yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ kiện theo trình tự phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định tố tụng. Tại phiên tòa đảm bảo cho các đương sự thực hiện các quyền theo quy định tố tụng.

- Căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ kiện và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thấy cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn Thào Sái C là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn Thào Sái C.

- Xét nội dung bản án thấy:

+ Quyết định bản án xác định 806,9m^2 đất tranh chấp là đất ruộng của ông Ly Giống S tại các thửa 05 đến thửa 10. Nhưng tại công văn của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng tài nguyên và môi trường huyện M xác định

đất tranh chấp nằm trong các thửa số 05 đến số 10 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S. Tổng diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S các thửa từ 05 đến 10 chỉ có diện tích 480m^2. Như vậy có 326,9m^2 diện tích đất tranh chấp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm xác định và giao 806,9m^2 đất tranh chấp đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa phù hợp với khách quan sử dụng đất của ông S, nên cần sửa bản án cho công nhận quyền sử dụng đất của ông S phần đã được cấp giấy chứng nhận còn 326,9m^2 chỉ tạm giao cho ông S quản lý sử dụng và có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

+ Ông S được cơ quan có thẩm quyền cấp đất từ năm 1999. Năm 2018 phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm chỉ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật đất đai 2013 làm căn cứ giải quyết vụ kiện là áp dụng không đầy đủ pháp luật. Ông C là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ông Thào Sái C thuộc đối tượng được miễn án phí, lệ phí tòa án.

Từ các chứng cứ nêu trên, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm số: 03/2018/DSST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M. Miễn án phí phúc thẩm cho Thào Sái C. Buộc các đương sự phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào chứng cứ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Thào Sái C khởi kiện: Yêu cầu Tòa án buộc ông Ly Giống S (Ly A C1) trả cho ông 806,9m^2 diện tích đất trồng lúa tại khu vực K bản T, xã H, huyện M. Tòa án nhân dân huyện M căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

- Ông Ly Giống S tên khai sinh là Ly A C1. Năm 1999 khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông có tên là Ly A C1. Sau năm 1999 ông lấy vợ, theo phong tục thì bố vợ đặt cho tên mới là Ly Giống S. Ông đã dùng tên mới để làm Giấy chứng minh thư nhân dân và cũng là tên thường gọi ở địa phương.

- Bản T, xã H, huyện M là tên bản đơn vị hành chính hiện nay. Năm 1999 khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ly A C1 đã ghi tên đơn vị hành chính là bản C có thể viết sai chính tả theo sự phát âm. Nhưng bản C ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ly A C1 và Bản T nơi cư trú hiện nay của các đương sự là một đơn vị hành chính.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo thấy:

[2.1] Ngày 08/11/2018 nguyên đơn Thào Sái C kháng cáo bản án sơ thẩm số: 03/2018/DSST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Ly A C1 (S) trả cho ông 806,9m^2 đất tranh tranh chấp tại khu K tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Kháng cáo hợp lệ theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 BLTTDS.

[2.2] Ông Thào Sái C khai đã khai hoang thửa đất từ năm 1992 và canh tác đến năm 1996 nhưng không đăng ký quyền sử dụng đất. Từ năm 1996 đến nay cũng không sử dụng và cũng không có giấy của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định ông Thào Sái C có quyền sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp.

- Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 102868 vào số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00057/QSDĐ/35/QĐ-UB-H do UBND huyện Y, tỉnh Lai Châu (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp ngày 21/10/1999 Chứng nhận ông Ly A C1 được quyền sử dụng 1.3800 m^2 đất tại bản C - xã H - huyện Y - Lai châu. Tờ bản đồ: Tự kê khai. Có 10 thửa đất lúa diện tích 800m^2 tại K, 03 thửa đất nương rẫy không xác định địa chỉ có tổng diện tích 13.000m^2, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2019. Việc cấp quyền sử dụng đất cho Ly A C1 năm 1999 được thực hiện theo đúng quy định tại: (khoản 2 Điều 19 "Căn cứ để quyết định giao đất, cho thuê đất:.... Yêu cầu sử dụng đất ghi trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật và trong thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc do xin giao đất, thuê đất"). Khoản 2 Điều 24: (Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau:… Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân). Khoản 2 Điều 36 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo các quy định sau đây:... Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất thì cấp giấy chứng nhận quyền sử sử dụng đất) của Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 10/1998/QH10 ngày 02/12/1998 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai năm 1993. Có hiệu lực từ ngày 01/01/1999 và quy định tại khoản 1, 2 Điều 690 của Bộ luật dân sự 1995. (Đất

đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình được xác lập do nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất).

- Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và tờ trích đo địa chính do Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ của Toà án nhân dân huyện M lập ngày 05/4/2018 thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là 806,9m^2. Xung quanh thửa đất tranh chấp đều giáp đất của ông Ly Giống S (Ly A C1).

- Công văn số 57/VPĐK-QSDĐ ngày 25/7/2018 về việc cung cấp thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M xác định: Ông Ly A C1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00057/QSDĐ/358/QĐ-UB-H do UBND huyện Y, tỉnh Lai Châu (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp ngày 21/10/1999 mang tên Ly A C1.

Hồ sơ có đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: gồm 13 thửa đất theo số thứ tự từ thửa số 01 đến thửa số 13. Tổng diện tích là 13.800 m^2; trong đó: Ở khu K ông Ly A C1 (Ly Giống S) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa số 01 đến thửa số 10 có tổng diện tích là 800m^2.

- Từ các chứng cứ nêu trên xác định:

Ông Thào Sái C không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ về sử dụng thửa đất theo quy định luật đất đai đối với thửa đất tranh chấp ở khu K Ông và các nhân chứng Ly Tồng L, Thào Cống D khai ông khai hoang và canh tác đến năm 1996 do sạt lở vùi lấp không canh tác được nên ông đã bỏ không canh tác đến nay.

Ông Ly A C1 (Ly Giống S) được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00057/QSDĐ/358/QĐ-UB-H do UBND huyện Y, tỉnh Lai Châu (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp ngày 21/10/1999. Ông S khai: Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 10 thửa đất trồng lúa và 03 thửa nương rẫy. Tại khu vực K có một thửa số 11 là đất nương rẫy và 10 thửa ruộng. Tổng diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 11 và đất ruộng từ thửa số 01 đến thửa số 10 là 5800m^2. Qua thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp và đất ông Ly Giống S đang sử dụng có diện tích 5822,7 m^2. Do khi cấp đất năm 1999, cấp theo kê khai nên không có bản đồ trích lục các thửa đất, không đo thực địa nên không xác định đất tranh chấp thuộc thửa nào trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích không chính xác. Từ các chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ diện tích đất 806,9m^2 đang tranh chấp là đất nương rẫy của Ly Giống S đã được cấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số H00057/QSDĐ/358/QĐ-UB-H do UBND huyện Y, tỉnh Lai Châu (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp ngày 21/10/1999.

Từ các chứng cứ nêu trên cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Thào Sái C đối với yêu cầu buộc ông Ly A C1 (S) trả lại cho ông Thào Sái C 806,9m^2 diện tích đất là có căn cứ. Không chấp nhận kháng cáo của ông Thào Sái C về (buộc ông Ly A C1 (S) trả cho ông 806,9m^2 đất tranh tranh chấp tại khu K tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên).

[3] Xét nội dung bản án có liên quan đến kháng cáo thấy:

Năm 2018 Tòa án thụ lý xét xử phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 102868 số vào số cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00057/QSDĐ/358/QĐ-UB-H do UBND huyện Y, tỉnh Lai Châu (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp ngày 21/10/1999 mang tên ông Ly A C1.

Bản án sơ thẩm số: 03/2018/DSST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M áp dụng: Điều 158, Điều 163, Điều 189 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005. Luật Đất Đai năm 2013 làm căn cứ giải quyết vụ án là không đúng Nghị quyết số 45/2005-QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 điều khoản chuyển tiếp thi hành Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy cấp sơ thẩm đã không áp dụng đầy đủ pháp luật làm căn cứ trong quá trình giải quyết vụ kiện tranh chấp. Tuy nhiên việc áp dụng không đầy đủ pháp luật làm căn cứ trong quá trình giải quyết vụ kiện tranh chấp không gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích của các Đương sự. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào công văn số 57/VPĐK-QSDĐ ngày 25/7/2018 về việc cung cấp thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký đăng ký quyền sử dụng đất phòng Tài nguyên và Môi trường của Ủy ban nhân dân huyện M xác định đất đang tranh chấp nằm trong các số thửa thứ tự từ số 05 đến thửa số 10 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã quyết định giao cho ông Ly Giống S 806,9m^2 đất. Tại phiên tòa Kiểm sát viên cũng cho rằng trong 806,9m^2 đất có 480m^2 thuộc các thửa từ số 05 đến số 10. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ly A C1 (S) thì các thửa từ 01 đến 10 là đất trồng lúa đã canh tác ổn định từ năm 1999. Qua thẩm định tại chỗ chưa xác định đất tranh chấp là đất nương rẫy hay đất ruộng trồng lúa. Qua trình bày của các đương sự thì đất tranh chấp là hủm tự nhiên một bên có vách đá đứng, các bên còn lại là đồi có độ dốc lớn không canh tác được thường xuyên. Trên đất có một

số cây gỗ cổ thụ. Đáy hủm có nhiều đá to không làm ruộng, nương được chỉ có những khoảng đất trống nhỏ để gieo mạ. Với đặc điểm trên đất tranh chấp là đất nương rẫy không thuộc diện tích của các thửa số 05 đến số 10 như công văn trả lời của Văn phòng đăng ký đăng ký quyền sử dụng đất phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện M. Việc xác định sai loại đất của cấp sơ thẩm không gây thiệt hại đến các đương sự cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Từ chứng cứ nêu trên căn cứ vào Điều 308, 309 BLTTDS Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Xét thấy ông Thào Sái C là dân tộc thiểu số sinh sống vùng sâu, vùng xa, ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông C. Hoàn trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AB/2010/00297 ngày 26/10/2017 của chỉ Cục thi hành án dân sự huyện M.

[5] Về chi phí thẩm định: Tổng toàn bộ các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2018 là 2.263.000 đồng. Ông S tự nguyện chịu 263.000 đồng chi phí xem xét thẩm định. Hoàn trả lại cho ông S số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 1.737.000 đồng.

Buộc ông C phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông C đã nộp ngày 19/01/2018.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 308, 309 BLTTDS: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Thào Sái C

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

1. Áp dụng các Điều 19, 24, Điều 36 Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 10/1998/QH10 ngày 02/12/1998 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1993. Điều 690 của Bộ luật dân sự 1995: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ,

khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của ông Thào Sái C đối với yêu cầu buộc ông Ly A C1 (S) trả lại cho ông Thào Sái C 806,9m^2 diện tích đất tranh chấp, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và tờ trích đo địa chính, ngày 05/4/2018 tại địa chỉ: Khu K, bản T, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thào Sái C. Hoàn trả cho ông Thảo Sái C số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số: AB/2010/00297 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên.

4. Về chi phí thẩm định: Buộc các đương sự phải chịu 2.263.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ.

Ông Ly Giống S tự nguyện chịu 263.000 đồng và được khấu trừ số tiền tạm ứng ông đã nộp ngày 14/02/2018 là 2.000.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông S số tiền tạm ứng đã nộp còn lại là 1.737.000 đồng.

Ông Thào Sái C phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng số tiền ông C đã nộp ngày 19/01/2018.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/02/2019)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện M ;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu HSVA và VPHC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quàng Văn Liêm